

NGỮ PHÁP

BIỆN PHÁP TU TỪ:

So sánh:

Khái niệm: So sánh là biện pháp đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho biểu đạt.

Tác dụng: làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự vật được nhắc tới, giúp câu văn trở nên sinh động, gây hứng thú với người đọc.

Ví dụ: Bạn Hà rất giống bạn Hảo, khuôn mặt tròn tròn như chiếc bánh bao.

Ẩn dụ:

Khái niệm: Làm phương thức biểu đạt gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với sự vật chính.

Tác dụng:

Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao gợi những sự liên tưởng ý nhị, sâu sắc.

Ẩn dụ 4 loại: hình thức, cách thức, phẩm chất, chuyển đổi cảm giác.

Ví dụ:

“Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang”

⇒ Ẩn dụ “khuôn trăng đầy đặn”: gương mặt sáng như trăng rằm

Hoán dụ:

Khái niệm: Là biện pháp tu từ để gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có quan hệ gần gũi.

Tác dụng:





Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Diễn tả sinh động nội dung thông báo, gợi sự liên tưởng ý vị, ý nghĩa thêm sâu sắc.

Ví dụ:

“Anh ấy là một tay săn bàn có hạng trong đội bóng”

⇒ Lấy 1 bộ phận để gợi toàn thể.

Nhân hóa:

Khái niệm: Là biện pháp tu từ để chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ,...vốn chỉ được dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, cây cối,...

Tác dụng: Làm cho sự vật, cây cối trở nên gần gũi và sinh động hơn.

Ví dụ:

“Heo hút cồn mây súng ngửi trời”

⇒ Mây “ngửi” dùng hành động của con người miêu tả sự vật.

Nói quá:

Khái niệm: là cách nói phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, sự việc hay hiện tượng có thật trong thực tế

Tác dụng: Giúp hiện tượng, sự vật miêu tả được nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho người nghe, người đọc.

Ví dụ:

“Chọc trời khuấy nước mặc dầu

Dọc ngang nào biết trên đầu có ai”

(Nguyễn Du)

⇒ “Chọc trời” nói quá lên sự vật.

Nói giảm nói tránh:

Khái niệm: là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt ý nghĩa tế nhị hơn và uyển chuyển





Tác dụng: tránh gây cảm giác quá đau buồn, nặng nề, tránh thô tục, mất lịch sự.

Ví dụ:

“Bà nội của em đã ra đi được một khoảng thời gian rồi nhưng tình thương của ông thì vẫn còn đâu đây rất gần.”

Điệp ngữ, điệp từ:

Khái niệm: là một biện pháp tu từ trong văn học chỉ việc lặp đi lặp lại một từ hoặc một cụm từ, nhằm nhấn mạnh, khẳng định, liệt kê ...

Tác dụng: để làm nổi bật vấn đề khi muốn nói đến đến.

Ví dụ: Học, học nữa, học mãi.

Chơi chữ:

Khái niệm: Là biện pháp tu từ sử dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ.

Tác dụng: Tạo sắc thái dí dỏm, hài hước, làm câu văn độc đáo và thú vị

Ví dụ: “Một con cá đối nằm trên cối đá, Hai con cá đối nằm trên cối đá”.

Liệt kê:

Khái niệm: Là sắp xếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn nêu nhiều khía cạnh khác nhau của thực tế hay tư tưởng, tình cảm.

Tác dụng: diễn tả các khía cạnh hoặc tư tưởng, tình cảm được đầy đủ, rõ ràng, chi tiết hơn đến với người đọc, người nghe.

Ví dụ: Khu vườn nhà em có rất nhiều loài hoa đẹp nào là hoa lan với hoa cúc, hoa mai với hoa đào, hoa hồng và hoa ly.

Tương phản:

Khái niệm: là biện pháp tu từ sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau

Tác dụng: để tăng hiệu quả diễn đạt cho câu văn cuốn hút hơn.

Ví dụ: “Bán anh em xa mua láng giềng gần”

PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT:





Phương thức biểu đạt	Định nghĩa	Cách nhận biết
Tự sự	Kể lại một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, tạo nên một mạch hoàn chỉnh, không quan tâm đến thái độ quan điểm của tác giả.	• Có cốt truyện, tư tưởng, chủ đề rõ ràng, đầy đủ. • Có nhân vật, sự kiện, sự kiện theo từng diễn biến. • Có ngôi kể phù hợp. • Một số thường gặp: văn bản tiểu thuyết, văn học nghệ thuật, bản tường trình/tường thuật, bản tin báo chí,...
Miêu tả	Dùng ngôn ngữ làm cho người nghe, người đọc có thể hình dung được sự vật, sự việc như đang hiện ra trước mắt hoặc nhận biết được thế giới nội tâm của con người.	• Các tính từ, động từ, biện pháp tu từ,.. được sử dụng linh hoạt. • Miêu tả chi tiết hình dáng về thế giới bên ngoài và trong nội tâm con người. • Các đặc điểm sự vật, hiện tượng được miêu tả sinh động, dễ hiểu. • Một số thường gặp: văn tả người, tả cảnh, thơ, bút kí,...
Biểu cảm	Dùng ngôn ngữ để bộc lộ cảm xúc, tình cảm của mình về một sự vật, sự việc.	• Xuất hiện nhiều từ ngữ thể hiện cảm xúc của sự vật hiện tượng hoặc của người viết.





		• Những từ ngữ, câu cảm thán. • Một số thường gặp: Thơ, truyện, vè, ca dao,...
Thuyết minh	Là cung cấp, giới thiệu, giảng giải,... những tri thức về một sự vật,	• Câu văn chỉ rõ đặc điểm của đối tượng. • Ngôn ngữ rõ ràng, cụ thể, có sử dụng các biện pháp so sánh, liệt kê,... • Một số thường gặp: thuyết minh về con vật, đồ vật, địa danh, di tích lịch sử,...
Nghị luận	Là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.	• Có quan điểm, vấn đề rõ ràng • Có các luận điểm, luận cứ, dẫn chứng để phân tích, bình luận. • Bố cục bài viết chặt chẽ, lập luận thuyết phục người đọc.
Hành chính – công vụ	Là phương thức dùng để giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này với nước khác trên cơ sở pháp lý (thông tư, nghị định, đơn	• Văn bản gồm những phần sau: + Quốc hiệu, tiêu ngữ + Địa điểm, ngày tháng + Họ tên, chức vụ của người/ cơ quan nhận.





	từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng,...)	+ Họ tên, chức vụ của người/cơ quan gửi. + Nội dung + Chữ kí, họ tên người làm văn bản. • Một số thường gặp: nghị định, thông tư của Nhà nước, văn bản báo cáo trong công ty, hợp đồng, giấy xin phép nghỉ học.
--	-------------------------------------	---





PHONG CÁCH NGÔN NGỮ:

Phong cách ngôn ngữ	Định nghĩa	Cách nhận biết
Sinh hoạt	Là phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày, thuộc hoàn cảnh giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày. Giao tiếp ở đây thường là với tư cách cá nhân nhằm để trao đổi tư tưởng, tình cảm của mình với người thân, bạn bè,...	Trong đề đọc hiểu, nếu đề bài trích đoạn hội thoại, có lời đối đáp của các nhân vật, hoặc trích đoạn một bức thư, nhật kí, thì văn bản đó thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt nhé.





Nghệ thuật	Là phong cách được dùng trong sáng tác văn chương.	Trong đề đọc hiểu, nếu thấy trích đoạn nằm trong một bài thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tùy bút, ca dao,... và các tác phẩm văn học nói chung thì mình đều trả lời thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
Chính luận	Là phong cách được dùng trong lĩnh vực chính trị xã hội.	Được trích dẫn trong các văn bản chính luận ở SGK hoặc lời phát biểu của các nguyên thủ quốc gia trong hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự,...
Khoa học	Là ngôn ngữ dùng trong giao tiếp lĩnh vực khoa học.	Văn bản khoa học
Báo chí	Là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của XH. Tồn tại ở 2 dạng: nói [thuyết minh, phỏng vấn miệng trong các buổi phát thanh/ truyền hình...] & viết [báo viết]	Ngôn ngữ báo chí được dùng ở những thể loại tiêu biểu là bản tin, phóng sự, tiểu phẩm,... Ngoài ra còn có quảng cáo, bình luận thời sự, thư bạn đọc,... Mỗi thể loại có yêu cầu riêng về sử dụng ngôn ngữ. Các bài có trích dẫn nguồn báo





Hành chính	Văn bản hành chính là văn bản được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính. Đó là giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí.	Các mẫu đơn xin phép, có tiêu đề, biểu ngữ.. (đơn xin nghỉ học, đơn khiếu nại..)
-------------------	--	---



CẤU TẠO CỦA CÂU:

Trạng ngữ, S(chủ ngữ) + V(vị ngữ) +

Trong đó:

- Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, bổ sung ý nghĩa của thành phần chính trong câu.

+ là thành phần trả lời cho câu hỏi: Khi nào? => trạng ngữ chỉ thời gian

+ là thành phần trả lời cho câu hỏi: Ở đâu? => trạng ngữ chỉ nơi chốn

+ là thành phần trả lời cho câu hỏi: Vì sao? => trạng ngữ chỉ nguyên nhân

+ là thành phần trả lời cho câu hỏi: Để làm gì? Nhằm mục đích gì? => trạng ngữ chỉ mục đích

+ là thành phần trả lời cho câu hỏi: Bằng cái gì? Và cái gì? => trạng ngữ chỉ phương tiện, cách thức.

- Chủ ngữ là thành phần chính, thường đứng đầu câu, có cấu tạo đa dạng. Trả lời cho các câu hỏi: Ai làm gì? Ai là gì? Con gì? Cái gì?

- Vị ngữ là bộ phận thứ hai trong câu, nêu hoạt động, trạng thái, tính chất, bản chất, đặc điểm,... của người, vật được nêu ở chủ ngữ.

PHÉP LIÊN KẾT TRONG CÂU:

Phép lặp:

• Khái niệm:

Là cách dùng đi dùng lại một yếu tố ngôn ngữ, ở những bộ phận khác nhau (trước hết ở đây là những câu khác nhau) của văn bản nhằm liên kết chúng lại với nhau.

• Phân loại:

+ Lặp ngữ âm: là hiện tượng hiệp vần và cắt nhịp đều đặn các câu trong văn bản.

+ Lặp từ ngữ: nhắc lại những từ ngữ nhất định ở những phần không quá xa nhau trong văn bản nhằm tạo tính liên kết giữa những phần với nhau.



+ **Lập cú pháp:** là dùng nhiều lần 1 loại ngữ pháp (có thể nguyên vẹn hoặc biến đổi chút ít) nhằm tạo tính liên kết ở những phần văn bản chứa chúng.

- **Đặc điểm nhận diện:**

Lặp lại ở câu đứng sau những từ ngữ đã có ở câu trước.

Phép thế:

- **Khái niệm:**

Là cách thay những từ ngữ nhất định bằng những từ ngữ có ý nghĩa tương đương (cùng chỉ sự vật ban đầu, còn gọi là có tính chất đồng chiếu) nhằm tạo tính liên kết giữa các phần văn bản chứa chúng.

- **Phân loại:**

+ **Thế đồng nghĩa:** bao gồm việc dùng từ đồng nghĩa, cách nói vòng vo, cách miêu tả thích hợp với từ ngữ được thay thế.

+ **Thế đại từ:** dùng những đại từ (nhân xưng, phiếm định, chỉ định) để thay cho một từ ngữ, một câu hay một ý gồm nhiều câu,... nhằm tạo ra tính liên kết giữa các phần văn bản chứa chúng.

- **Đặc điểm nhận diện:**

Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước tạo sự liên kết giữa các phần văn bản.

Phép nối:

- **Khái niệm:**

Là cách dùng những từ ngữ sẵn mang ý nghĩa chỉ quan hệ (kể cả những từ ngữ chỉ quan hệ cú pháp bên trong câu), và chỉ các quan hệ cú pháp khác trong câu, vào mục đích liên kết các phần trong văn bản (từ câu trở lên) lại với nhau.

- **Phân loại:**

- **Nối bằng kết từ:** là những hư từ quen thuộc dùng để chỉ quan hệ giữa các từ ngữ trong ngữ pháp câu, như và, với, thì, mà, còn, nhưng, vì, nếu, tuy, cho nên...



- Nối bằng kết ngữ: Kết ngữ là những tổ hợp từ gồm có một kết từ với một đại từ hoặc phụ từ hoặc những tổ hợp từ có nội dung chỉ quan hệ liên kết
- Nối bằng trợ từ, phụ từ, tính từ
- Nối theo quan hệ chức năng cú pháp (thành phần câu hiểu rộng)

- Đặc điểm nhận diện:

Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị quan hệ (nối kết) với câu trước.

Phép liên tưởng:

- Khái niệm:

Là cách sử dụng những từ ngữ chỉ những sự vật có thể nghĩ đến theo một định hướng nào đó, xuất phát từ những từ ngữ ban đầu, nhằm tạo ra mối liên kết giữa các phần chứa chúng trong văn bản.

- Phân loại:

- Liên tưởng cùng chất.
- Liên tưởng khác chất.

- Đặc điểm nhận biết:

Sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước đó.

Phép nghịch đối:

- Khái niệm:

Là sử dụng những từ ngữ trái nghĩa vào những bộ phận khác nhau có liên quan trong văn bản, có tác dụng liên kết các bộ phận ấy lại với nhau.

- Phân loại:

Những phương tiện liên kết thường gặp dùng trong phép nghịch đối là:

- o Từ trái nghĩa
- o Từ ngữ phủ định (đi với từ ngữ không bị phủ định)





- o Từ ngữ miêu tả (có hình ảnh và ý nghĩa nghịch đối)
- o Từ ngữ dùng ước lệ.
- Đặc điểm nhận biết:
 - o Từ trái nghĩa
 - o Từ ngữ phủ định
 - o Từ ngữ miêu tả
 - o Từ ngữ dùng ước lệ





PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI:

- Là những quy định mà người tham gia hội thoại phải tuân thủ thì cuộc giao tiếp mới thành công.
- Có 5 loại phương châm hội thoại:
 - + *Phương châm về lượng*: khi giao tiếp cần nói có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.
 - + *Phương châm về chất*: khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.
 - + *Phương châm quan hệ*: khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.
 - + *Phương châm cách thức*: khi giao tiếp cần lưu ý nói mạch lạc, ngắn gọn, tránh cách nói mơ hồ.
 - + *Phương châm lịch sự*: khi giao tiếp cần tế nhị và thể hiện sự tôn trọng người khác.
- Để giao tiếp thành công, cần nắm vững những phương châm hội thoại. Tuy nhiên căn cứ vào tình huống giao tiếp cụ thể, cần vận dụng phương châm hội thoại cho phù hợp và linh hoạt.
- Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ các nguyên nhân sau:
 - + Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hóa giao tiếp
 - + Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yếu tố khác quan trọng hơn.
 - + Người nói muốn gây sự chú ý, để người nghe hiểu câu nói theo hàm ý nào đó.

TỪ LOẠI:

- **Danh từ**: chỉ sự vật, hiện tượng.
 - + **Danh từ chỉ đơn vị**: danh từ chỉ đơn vị tự nhiên(loại từ), danh từ chỉ đơn vị quy ước (chính xác, ước chừng)
 - + **Danh từ chỉ sự vật**: Danh từ chung và danh từ riêng.





- Động từ: chỉ hoạt động, trạng thái hay quá trình của sự vật, hiện tượng.
- Tính từ: chỉ ý nghĩa đặc trưng, tính chất, màu sắc của sự vật, hiện tượng.
- + Tính từ chỉ tính tương đối
- + Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối
- Đại từ: thay thế cho danh từ.
- Số từ: chỉ số lượng và thứ tự của vật.
- Chỉ từ: chỉ thời gian, địa điểm, cách thức, mức độ, phương hướng, tần suất, mục đích, nguyên nhân, kết quả, giả định, so sánh.
- Quan hệ từ: liên kết các câu với nhau, biểu thị quan hệ như so sánh, sở hữu, nhân quả,...
- Tình thái từ: chỉ tình trạng, cảm xúc, ý chí, khả năng, giả định, mệnh lệnh, cảnh báo, đề nghị, lời khuyên, sự đồng ý, phủ định. - Thán từ: chỉ bộc lộ biểu cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.
- Lượng từ: chỉ số lượng ít hay nhiều: Nhóm chỉ ý nghĩa toàn thể, nhóm ý chỉ nghĩa tập hợp hay phân phối.

CỤM TỪ:

- Cụm danh từ: gồm danh từ và nhiều yếu tố cấu thành nó.

Ví dụ: tất cả những em học sinh chăm ngoan ấy.

- Cụm động từ: gồm động từ là thành phần đi kèm.

Ví dụ: Chưa tìm được câu trả lời

- Cụm tính từ:

+ Các phụ ngữ ở trước:

- Quan hệ thời gian(đã, đang, sẽ..)
- Sự tiếp diện tương lai(lại, còn, đang...)
- Mức độ của đặc điểm(rất, lắm, quá...) tính chất



- Sự khẳng định hay phủ định

+ Phụ ngữ phía sau có thể biểu thị:

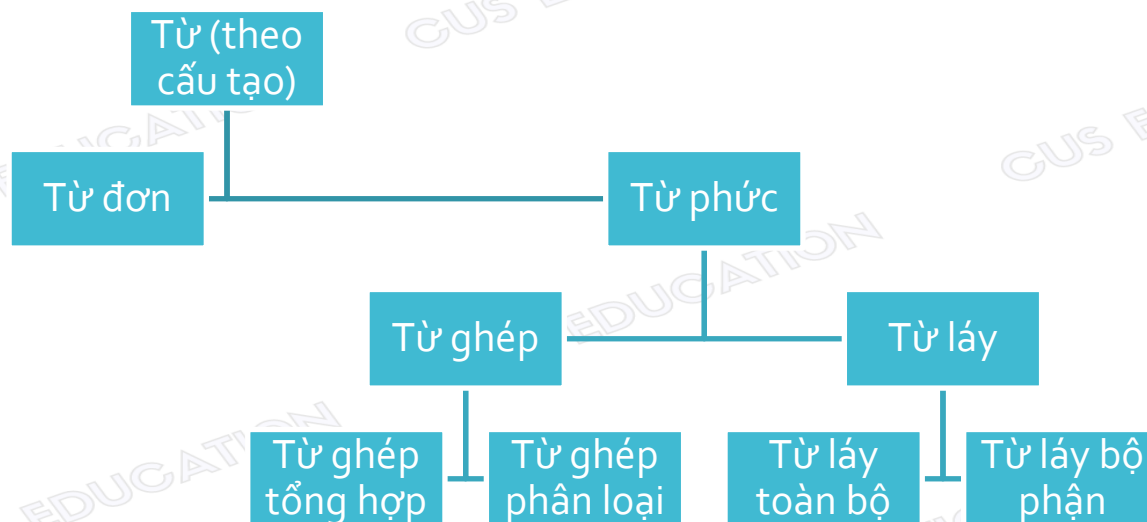
- Vị trí
- Sự so sánh
- Mức độ
- Phạm vi hay nguyên nhân của đặc điểm và tính chất.

CÁU TẠO TỪ:

- Tiếng là đơn vị cấu tạo nên từ

- Từ là đơn vị có nghĩa nhỏ nhất dùng để đặt câu.

- Độ phân loại của từ



Khái niệm:

- Từ ghép: là từ phức tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa lại với nhau.
- Từ ghép chính phụ: gồm tiếng chính và phụ, bổ sung cho nghĩa chính.
- Từ ghép đẳng lập: là bình đẳng về mặt nghĩa, ngữ pháp.
- Từ láy: là những từ phức có quan hệ với nhau về mặt âm thanh.
- Từ láy toàn bộ: là lặp lại hoàn toàn giống nhau hay giống nhau những chỉ đổi thanh điệu.
- Từ láy bộ phận: giống về phần và, phụ âm.

Phân biệt từ láy và từ ghép:

- Nếu các tiếng trong từ có cả quan hệ về nghĩa và về âm thì ta xếp vào từ ghép.

Ví dụ: mặt mũi, phẳng lặng,...

- Nếu các từ chỉ có 1 tiếng có nghĩa, còn 1 tiếng đã mất nghĩa nhưng 2 tiếng không có quan hệ về âm thì ta xếp vào nhóm từ ghép. Ví dụ: xe cộ, treo phèo,...

- Nếu các từ chỉ còn 1 tiếng có nghĩa, còn 1 tiếng đã mất nghĩa nhưng 2 tiếng có quan hệ về âm thì ta xếp vào nhóm từ ghép. Ví dụ: chim chóc, đất đai,...

TÌM VÀ PHÁT HIỆN LỖI SAI:

Sai về cấu tạo ngữ pháp:

- *Sai do thiếu chủ ngữ:* Là những câu chỉ có trạng ngữ và vị ngữ Ví dụ: Qua tác phẩm "tắt đèn" cho ta thấy hình ảnh người phụ nữ nông dân trong chế độ cũ.

⇒ Sửa lại: tác phẩm "Tắt đèn" cho ta thấy hình ảnh người phụ nữ nông dân trong chế độ cũ.

- *Sai do thiếu vị ngữ:* Là câu chỉ mới có phần phát triển nội dung cho đối tượng được nói đến, chưa có vị ngữ

Ví dụ: Lòng tin sâu sắc của những thế hệ cha anh vào lực lượng măng non và xung kích sẽ tiếp bước mình.

⇒ Sửa lại:





+ Cách 1: thêm vị ngữ: Lòng tin sâu sắc của những thế hệ cha anh vào lực lượng măng non và xung kích sẽ tiếp bước mình là nguồn cổ vũ thế hệ trẻ tiến lên.

+ Cách 2: biến 1 phần CN và VN: Lòng tin sâu sắc của những thế hệ cha anh được đặt vào lực lượng măng non và xung kích sẽ tiếp bước mình.

- Sai do thiếu chủ ngữ và vị ngữ: trong câu chỉ có trạng ngữ

Ví dụ: từ những chị dân quân ngày đêm canh chừng đồng quê và bầu trời Tổ quốc, đến những bà mẹ chèo đò anh dũng trên dòng sông đầy bom.

⇒ Sửa lại: từ những chị dân quân ngày đêm canh chừng đồng quê và bầu trời Tổ quốc, đến những bà mẹ chèo đò anh dũng trên dòng sông đầy bom, tất cả đều thể hiện tinh thần bất khuất.

- Sai do thiếu vế câu trong câu ghép: câu ghép là loại câu gồm 2 vế, mỗi vế là 1 câu đơn, lỗi này thường chỉ do 1 vế xuất hiện.

Ví dụ: Nếu ai đã từng làm quen với hình tượng người nông dân với cuộc sống vất vả, cực nhọc, tôi tắm ở nông thôn Việt Nam trong các tác phẩm văn học trước CMT8

⇒ Sửa lại:

+ Cách 1: thêm 1 vế còn lại: Nếu ai đã từng làm quen với hình tượng người nông dân với cuộc sống vất vả, cực nhọc, tôi tắm ở nông thôn Việt Nam trong các tác phẩm văn học trước CMT8 thì người đó sẽ hiểu được xã hội lúc bấy giờ.

+ Cách 2: Biến câu đã cho thành câu đơn: Ai cũng nếu ai đã từng làm quen với hình tượng người nông dân với cuộc sống vất vả, cực nhọc, tôi tắm ở nông thôn Việt Nam qua các tác phẩm văn học trước CMT8.

- Sai do thừa nối: thừa nối nên không xác định được chủ vị

Ví dụ: trong những điều kiện khó khăn thế mà đội chúng tôi vẫn hoàn thành xuất sắc kế hoạch của công ty.

⇒ Sửa lại: trong những điều kiện khó khăn, đội chúng tôi vẫn hoàn thành xuất sắc kế hoạch của công ty.

- Sai do sai trật tự các thành phần của câu: sắp xếp sai nên sai nghĩa, tối nghĩa.

Ví dụ: Nếu trùng trị không kịp thời, sẽ gia tăng tội ác.



⇒ Sửa lại: Nếu trùng trị không kịp thời, tối ác gia tăng.

Sai về quan hệ ngữ nghĩa:

- Sai về hiện thực khách quan: sai kiến thức, những hiểu biết không đúng.

Ví dụ: Trần Hưng Đạo đã lãnh đạo nhân dân ta đánh đuổi giặc Minh.

⇒ Lê Lợi đã lãnh đạo nhân dân ta đánh đuổi giặc Minh.

⇒ Trần Hưng Đạo đã lãnh đạo nhân dân ta đánh đuổi giặc Nguyên.

- Sai logic:

+ Các thành phần câu không có quan hệ chặt chẽ, không theo logic.

Cách sửa: thay đổi từ không phù hợp.

Ví dụ: Tôi rất băn khoăn, nửa muốn về, nửa muốn ở lại, nửa lại muốn đi luôn.

⇒ Sửa lại: Tôi rất băn khoăn, vừa muốn về, vừa muốn ở lại, lại vừa muốn đi luôn.

+ Dùng từ không phù hợp với phong cách(quá bình quân hoặc quá quan trọng)

Cách sửa: thay đổi từ không phù hợp

Ví dụ: Anh xem đây, cái này mới thật là cực kì chứ!

⇒ Sửa lại: Anh xem đây, cái này mới thật là độc đáo chứ!

+ Sai chủ thể đối tượng:

Cách sửa: thay đổi từ không phù hợp

Ví dụ: Thúc Sinh cảm thương số phận Thúy Kiều, bỏ tiền cứu thoát nàng và làm vợ lẽ cho hắn.

⇒ Sửa lại: Thúc Sinh cảm thương số phận Thúy Kiều, bỏ tiền cứu thoát nàng và làm vợ lẽ.

Sai về dấu câu:

- Ngắt câu khi chưa hoàn thành câu, chưa trọn ý.

- Không ngắt câu khi đã trọn ý.





- Dùng lần lộn các dấu câu.

CÂU HỎI ĐIỀN TỪ:

CÁC CHỦ ĐỀ THƯỜNG GẶP:

- Đời sống con người
- Nhận xét văn học
- Nhận xét nhà văn, nhà thơ
- Trích dẫn tác phẩm văn học.

Vài mẫu câu tham khảo nhé các babi yêu ^^

1. Phải nhiều thế kỉ qua đi, người tình mong đợi mới đến đánh thức người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại.
2. Là sản phẩm của sự khái quát hóa từ đời sống, hình tượng nghệ nhân là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.
3. Theo Hoài Thanh nhận định: "Xuân Diệu là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới."
4. Cái đáng quý nhất ở ngòi bút Nam Cao là niềm tin sâu sắc ở bản chất tốt đẹp của người lao động.
5. Nam Cao là con người có tấm lòng thật đôn hậu, chan chứa yêu thương. Ông gắn bó sâu nặng, giàu ân tình với quê hương và những người nghèo khổ bị áp bức, khinh miệt trong xã hội cũ.
6. Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa không chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hóa những giá trị văn hóa bên ngoài.
7. Mỗi ngày Mị càng không nói, lúi lúi như con rùa nuôi trong xó cửa.
8. Tố Hữu từng quan niệm: "Thơ là chuyện đồng điệu. [...] Thơ là tiếng nói đồng ý và đồng tình, tiếng nói đồng chí.
9. Theo đánh giá của Phạm Văn Đồng, tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu lớn lao bởi sức cổ vũ mạnh mẽ cho cuộc chiến đấu chống thực dân, bằng cách làm cho lòng người





rung động trước những hình tượng “sinh động và náo nùng” của những con người
“suốt đời tận trung với nước, trọng nghĩa với dân.”

**10. Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế,
văn chương còn sáng tạo ra sự sống.**

